

ĐỔ BỂ TÍN DỤNG Ở ANBANI

DANH ĐỨC

Một chính phủ lâm thời đã được thành lập vào giữa tháng 3 tại Anbani với một Tổng thống cánh hữu và một Thủ tướng cánh tả, một quốc hội giải thể, trong khi chờ đợi các cuộc bầu cử sớm trước hạn, đó là tình hình Anbani sau gần hai tháng sôi sục vì các cuộc bạo loạn suýt chút nữa đã đưa đất nước này đến bờ vực thẳm của nội chiến. Đây là một khuôn mẫu của sự thất bại của một quá trình chuyển tiếp sang kinh tế thị trường không trên cơ sở phát triển toàn diện mà hầu như hoàn toàn dựa vào "ngoại viện" cộng với sự lũng đoạn của các cơ sở tín dụng cấu kết với chính quyền cánh hữu. Chính vì thế, trường hợp Anbani đáng được xem xét trong các góc độ kinh tế tài chính.

1. Anbani qua vài số liệu

Dân số: 3,4 triệu
Dân số thành thị: 37,3%
Tỷ lệ sinh sản: 0,9%
Trình độ học vấn: đại học: 9,5%; trung học: 78%
GDP: 1,229 tỷ đôla - đầu người: 2.200 đôla
Nợ nước ngoài: 925 triệu đôla
Xuất khẩu: 219 triệu đôla - nhập khẩu: 728 triệu đôla
(Số liệu 1995, nguồn: L'Etat Du Monde 1997)

2. Sự "hồi phục kinh tế"

Tuy Anbani được xem là nghèo nhất khu vực, song cho đến trước tháng 1 năm nay, tức trước khi xảy ra vụ đổ bể các cơ sở tín dụng, trên mặt bằng thông tin kinh tế nghiêm chỉnh của phương Tây, tình hình kinh tế Anbani vẫn chưa được mô tả là đen tối. Có thể ghi lại vài đoạn trong CD - ROM - L'Etat Du Monde" nêu trên trong bài phân tích năm 1995 như sau:

"Sự tăng trưởng kinh tế năng động đến mức ngạc nhiên của Anbani (+ 8,6% năm 1995), chủ yếu do lĩnh vực nông nghiệp đứng vững (tăng trưởng + 7%) và nhất là do kiều hối từ nguồn lao động Anbani tại nước ngoài (380 triệu đôla năm 1995), đã nâng hạng của Anbani trong danh sách các nước có nền kinh tế chuyển tiếp tại khu vực này. Ngoại trừ khu vực công nghiệp mà phần lớn vẫn còn bị tê liệt, các thành

quả này, trong đó chủ yếu là phục hồi được phần nào đời sống dân chúng, đều vẫn trong bối cảnh rất nghèo khổ, chủ yếu dựa trên một chính sách tiền tệ và ngân sách rất tuân thủ các khuyến cáo của IMF. Đồng bạc "lek" ổn định, lạm phát trong năm 1995 chỉ là 3,8%, tỷ lệ thất nghiệp chỉ còn 15% dân số lao động so với 27% năm 1992...là những dấu hiệu khôi phục kinh tế tuy có thể bị đe dọa bởi một bầu không khí chính trị ngày càng xấu kể từ sau cuộc bầu cử quốc hội tháng 6.1996...Hiệp định hữu nghị ký kết với Hi Lạp tháng 4.1996 cho phép Anbani gần với châu Âu hơn. Tuy việc giải tỏa lệnh cấm vận kinh tế Xéc - Bi đã khiến cho Anbani mất đi một nguồn chuyển ngân đáng kể, sự hậu thuẫn tài chính của các tổ chức quốc tế như WB, BERD (ngân hàng tái thiết và Phát triển châu Âu) dành cho việc xây dựng các cơ sở hạ tầng đường bộ và hải cảng cũng như viễn thông đã giúp Anbani khai thác tốt hơn vị trí địa lý của mình".

Có thể trở ngược về trước để có thể có một cái nhìn rõ ràng hơn về sự phục hồi kinh tế của Anbani. Cũng trên CD - ROM này, bài phân tích về tình hình Anbani năm 1994, cho thấy rằng sự phục hồi kinh tế này là rất mới mẻ, chỉ rõ rệt vào năm 1995, chứ vào năm 1994 vẫn còn khá mơ hồ.

"Tuy vẫn còn phải thận trọng trước tầm mức quan trọng của sự phục hồi kinh tế, mà chính phủ Anbani đã công bố, song vẫn có thể ghi nhận một số chuyển biến tốt trong lĩnh vực nông nghiệp và kinh doanh nhỏ". Bài phân tích tình hình năm 1994 còn cho thấy một bức tranh màu xám:

"Tình trạng vô tổ chức về mặt kinh tế vẫn còn rất đáng lo âu. Ngoài lĩnh vực kinh doanh nhỏ, lĩnh vực nông nghiệp đã bước đầu khởi động lại nhờ việc cấp đất cho nông dân - mới chỉ cấp từng lô đất nhỏ, chưa trả lại ruộng đất cho các điền chủ lớn. Tuy nhiên, nông sản Anbani bị cạnh tranh bởi hàng nông sản của Macêdonia kề cận. Lĩnh vực công nghiệp hầu như hoàn toàn bị tê liệt, ngoại trừ vài xí nghiệp nông nghiệp thực phẩm chế biến bột mì viện trợ của phương Tây. Nguồn viện trợ này

lên đến gần 50% GDP của Anbani.

Đầu tư nước ngoài còn rất vô nghĩa: khoảng 20 triệu đôla. Kiều hối từ nguồn lao động chui ở nước ngoài (tại Ý, Hi Lạp, Đức), khoảng 400 triệu đôla/năm đã làm nhẹ đi sự khó nghèo".

3. Thực chất của sự "hồi phục"

Các phân tích trên cho thấy: sự hồi phục kinh tế của Anbani, nếu có cũng chỉ là gần đây mà thôi, từ 1995, và tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên, thực lực nông nghiệp Anbani vẫn chỉ dựa trên một nền sản xuất nhỏ của các tiểu nông vừa ra khỏi hợp tác hóa. Có thể nói, ở một nước mà dân số nông thôn chiếm khoảng 63%, việc cấp ruộng đất đã tạo nên một luồng sinh khí mới cho sản xuất nông nghiệp và do đó sự hồi phục sản xuất nông nghiệp này đã là một trong ba cột trụ của nền kinh tế Anbani. Hai cột trụ còn lại đều từ "ngoại viện": từ WB, IMF, BERD, và từ kiều hối. Với số kiều hối (400 triệu đôla/năm) tức tương đương 1/4 GDP cả nước (1.229 triệu đôla) và gấp đôi giá trị xuất khẩu (219 triệu đôla), có thể nói một bộ phận không nhỏ người dân Anbani đã hoàn toàn có thể chỉ dựa vào số "ngoại viện" này mà sống ung dung, tiền dư đem bỏ "tiết kiệm". Đoạn phóng sự dưới đây của Liberation (5.2.97) có thể mô tả cảnh "ung dung" này:

"Adriatik Kaja, nông dân sau 3 năm sang Ý làm thợ hồ, đã gửi vào quỹ tín dụng Xhaferi gần 18.000 đôla, tất cả vốn liếng dành dụm của mình và của 2 anh em trai hiện còn đi làm chui ở Hi Lạp cộng với tiền bán 3 con bò sữa và 9 con cừu của mình, chỉ để lại mỗi một con để lấy sữa uống. Ida, một cô gái phục vụ nhà hàng, cũng đã gửi 7.000 đôla, tiền bán căn hộ mua hóa giá trước đó... Họ đã gửi vào quỹ tín dụng này vì món lãi đến 100% một tháng. Chính phủ đã phong tỏa 260 triệu đôla mà quỹ tín dụng Xhaferi này đã thu hút từ dân chúng. Các quỹ tín dụng khác đang trên bờ sụp đổ cũng đã bị phong tỏa tài sản, với lời hứa sẽ chỉ trả lại tiền của cho 300.000 người có tiền gửi. TP Lushnja này giữ kỷ lục cả nước về số tiền gửi tính theo đầu người quỹ tín dụng Xhaferi. Cách đây ít lâu, ông chủ Rappush Xhaferi mỗi

khi ngự xe Mercedes bọc thép đến TP này, dân chúng còn đón chào ông như một ân nhân. Ông chủ Zappush Xhaferi chẳng phải đã làm dân chúng TP này nở mày nở mặt với việc ông đã "mua lại" với giá 350.000 đôla ngôi sao bóng đá huyền thoại Mario Kempes của Argentina về làm huấn luyện viên cho đội bóng TP Lushnja này hay sao? Cuộc phiêu lưu của ông chủ Zappush Xhaferi bắt đầu vào năm 1993 tại Lushnja này. Ông chủ đã mở ra giấc mơ làm giàu dễ dàng chẳng phải đổ công sức cho một số đông dân chúng không biết làm gì, chỉ một mực tin rằng sự thay đổi chế độ sẽ đưa họ đến ngay với thiên đường tiêu thụ. Thế là họ đem hết vốn liếng thu về được gần đây ở nước ngoài để tháng tháng lãnh tiền lãi tiêu dùng. Ngoài đám mê gửi tin dụng, người dân Anbani còn một đám mê khác là đánh số "Bingo" hàng tuần xổ trên truyền hình chiếu chủ nhật. Giờ đây, họ đang phải thanh lý con diên "tư bản chủ nghĩa" của mình.

Ba trăm ngàn người trên tổng số 3, 4 triệu dân gửi tin dụng lấy lãi, lãi suất có khi đến 100%/tháng như ở quý Xhaferi, cho dù lạm phát chỉ 3,8%/năm, quả là những con số thật "điên rồ". Và khi người ta lãnh tiền lãi đến 100%/tháng, nhất định cần gì phải làm lụng, chỉ béo gíi tiêu thụ (đó là lý do giải thích sự phát triển của lĩnh vực tiêu thụ). Thế nhưng, chính chính phủ đã nuôi dưỡng sự "điên rồ" đó bằng cách làm nơ cho các quỹ tín dụng này hầu đối lấy sự hậu thuẫn tiền bạc của các quỹ này trong cuộc bầu cử quốc hội tháng 6 năm ngoài.

Hiện tượng đổ bể các cơ sở tín dụng huy động vốn trả lãi "trên trời" là một hiện tượng khá phổ biến tại nhiều nước có nền kinh tế chuyển tiếp sang kinh tế thị trường. Tại Nga, Ba Lan... và cả VN, quá trình này cũng đã từng xảy ra, mà nay vấn đề chỉ trả các vụ "nước hoa Thanh Hương", "tín dụng Anh Đào" vẫn còn được đặt ra... Có nhiều nguyên nhân trong đó có vấn đề tính "giao thời" của bộ máy ngân hàng nhà nước và cổ phần (tư nhân). Thường thì, các quỹ tín dụng này xuất hiện vào thời điểm đầu tiên, khi bộ máy ngân hàng cổ phần chưa có, khi luật lệ ngân hàng chưa rõ rệt. Trong sự thiếu rõ ràng đó và trong giai đoạn mà việc huy động vốn đang là bức bách để chống lạm phát, khái niệm đánh thuế lên tiền lãi thụ hưởng từ các sổ tiết kiệm này chưa được đặt ra. Chính vì thế mà, cũng như ở người nông dân ở Anbani, tại VN cũng đã có nhiều người, thậm chí công ty, bỏ sản xuất, bán phương tiện sản xuất tiền đi gửi tín dụng. Tất nhiên, khác với ở Anbani, ở VN không hề có tình trạng cấu kết giữa các chủ nhân quỹ tín dụng và chính quyền. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra cho đến ngày nay vẫn là làm

sao huy động vốn nhàn rỗi trong dân chúng. Bằng các quỹ tiết kiệm chẳng? Đây không hẳn là thượng sách vì lẽ đồng vốn tiết kiệm vẫn không nhằm mục đích đầu tư, tất nhiên. Tại các nước công nghiệp, các sổ tiền gửi tiết kiệm, vượt một mức trần nào đó, đều phải chịu thuế lợi tức. Chính hàng rào thuế đánh trên tiền gửi tiết kiệm vượt mức trần này đã ngăn chặn tình trạng không đầu tư cho sản xuất, đem vốn đi gửi tiết kiệm, tránh tình trạng giảm tiêu thụ làm đình trệ sản xuất. Ở Pháp chẳng hạn, từ năm 1963, để thu hút vốn từ cá thể tiết kiệm nhỏ, bên cạnh hệ thống quỹ tiết kiệm, bên cạnh hệ thống thị trường chứng khoán vốn dành cho các "tay chơi" lớn và am hiểu, các công ty đầu tư (SICAV) đã được thành lập. Các công ty này không thành lập xí nghiệp con, cũng không can thiệp vào việc quản lý các xí nghiệp mà các công ty này tham gia góp vốn. Qua đó, người gửi tiền tiết kiệm gián tiếp tham gia đầu tư cho sản xuất. Tất nhiên, việc quản lý đồng vốn tiết kiệm đó là bất trắc. Song, luật pháp quy định những "lạm can" an toàn như: 30% số vốn phải được gửi ngân hàng nhà nước dưới dạng trái phiếu hay tiền mặt ký thác, không được mua trên 5% số cổ phần của một công ty... Người tiết kiệm gửi tiền trong các SICAV trở thành cổ đông của các SICAV này. Thật ra, ở Anh, ở Mỹ, các SICAV này cũng đã xuất hiện từ lâu với tên gọi "investment trusts".

4. Huy động vốn ở VN

Từ các câu chuyện "tây" trên có thể liên tưởng đến chuyện "ta". Đến nay bài toán huy động vốn trong nước vẫn còn là rất nóng bỏng chưa có đáp án. Tín phiếu kho bạc vẫn không ăn khách... Tại sao không tích cực hơn trong việc huy động vốn nhàn rỗi này đầu tư vào các đề án xây dựng các khu đô thị mới? Những đề án góp vốn xây dựng cơ sở hạ tầng (đường xá...) khó thu hút vốn người dân vì khó ăn... Thế nhưng, nếu song phẳng mở ra những cơ hội đầu tư cho dân chúng trong lĩnh vực "ăn chắc" là xây dựng các khu đô thị mới, có hy vọng sẽ thu hút được đồng vốn lớn bé của dân chúng. Các SICAV hướng về địa ốc, tất nhiên không mang chức năng của các công ty kinh doanh nhà, có khả năng giải đáp bài toán huy động vốn này. Con số nhà cửa đất đai từ đầu những năm 90 cho thấy gì, nếu không phải là một thị trường "ngầm" vô tổ chức bên cạnh thế độc quyền của các công ty kinh doanh nhà đất (thường là cấp quận) được hưởng đặc quyền đất đai phân bố cho địa phương (quận)? Từ đó, thị trường "ngầm" tạo ra tình trạng tăng giá nhà cửa đất đai mãi đến nay mới chững lại. Cũng từ đó, đã có một số trường hợp lợi dụng thế độc quyền được phân bổ đất đai (quyền sử dụng đất) để

trục lợi, tựa hồ như đất đai đó là tài sản của công ty đó, thậm chí của cá nhân lãnh đạo công ty đó. Người dân trung bình ba cọc ba đồng muốn mua nhà phải khựng chịu những định đoạt của thị trường phức tạp đó, muốn mua nhà không biết mua ở đâu, gõ cửa các công ty kinh doanh nhà thì gặp giá "kinh doanh" hoặc nhà "cao cấp" ngoài khả năng của túi tiền, hoặc nhà được xây dựng phết phẩy "không đáng tiền nào của ấy". Ngay cả trong trường hợp kế hoạch dân dần ra các khu đô thị mới quanh TP.HCM vào năm 2000 chẳng hạn, người dân này muốn tự nguyện dân ra các khu đô thị mới cũng không biết phải gõ cửa nơi nào. Tại sao không công khai gọi góp vốn vào việc xây dựng các khu dân dần này? Ngay cả việc qui hoạch dân dần quận nào ra một khu vực dân dần dành cho quận đó cũng là duy ý chí. Vì lẽ, không hẳn người dân A, B, C... thuộc quận 8 chẳng hạn, muốn dời về khu vực dành cho dân dần quận 8, mà có khi, vì sinh kế (chỗ làm, buôn bán hiện tại... tương đối gần khu vực dân dần cho dân một quận khác), và vì cả ngàn lý do khác, muốn di dời đến một khu dân dần khác. Tại sao không chia lô bán quyền sử dụng đất ở nơi dân dần cho dân chúng? Có thể tránh đầu cơ bằng cách thành lập các công ty SICAV đầu tư cho các khu dân dần, với mức trần góp vốn không chế không vượt quá giá trị một căn nhà để cho người dân thực sự muốn di dời có cơ hội tính toán chỗ ở sắp tới của mình. Cũng có thể thành lập các quỹ tiết kiệm địa ốc cho mục tiêu này, dành cho những người không có sẵn vốn lớn. Cho đến nay, mới chỉ có các đại công ty là có "phần" trong việc đầu tư các đô thị mới. Và từ thế độc quyền đó, nhiều hành vi vi phạm pháp luật đã xảy ra. Các vụ án Tamexco, Epcó và Minh Phụng (sắp tới)... là những trường hợp điển hình. Muốn di dời dân chúng không thể chỉ dựa trên một bản qui hoạch và các quyết định giải tỏa mà thôi, để rồi sau đó đến thời điểm di dời, người dân không thấy được đền bù xứng đáng hay không mua nổi một căn nhà mới. Bằng các SICAV địa ốc thu hút vốn nhàn rỗi, thêm vào đó bằng việc bán cho dân chúng phải di dời quyền sử dụng một nền nhà ở một khu dân dần tự chọn (không bằng giá thị trường mà bằng giá khuyến khích với điều kiện di dời thực sự), sẽ không phải nghĩ đến việc tìm đâu ra tiền đền bù... mà trong thực tế cũng chẳng bỏ bèn gì cho người dân phải di dời, hay đầu tư xây dựng. Hãy cho dân chúng nhìn thấy họ cũng thế có cơ hội "có ăn" (một cách hợp pháp), như các đại công ty độc quyền đã từng và sẽ còn "có ăn", họ sẽ tự động góp vốn.